

Name:

Vocabulary + Grammar:

Class: S3...

Listening:

Tel: 034 200 9294

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

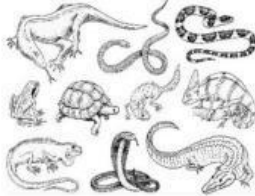
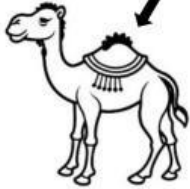
Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



GLOBAL ENGLISH 3

Unit 3 - The desert: Vocabulary 1 & Flyers Speaking

A. Vocabulary (* Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi)

1  cactus (n) xương rồng	2  reptile (n) bò sát	3  camel (n) lạc đà	4  hump (n) bướu (của lạc đà)
5  lizard (n) thằn lằn	6  monster (n) quái vật	7  devil (n) ác quỷ	8  snake (n) rắn
9  hot (adj) nóng	10  cold (adj) lạnh	11  warm (adj) ấm	12  cool (adj) mát

❖ Extra vocabulary:

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	tail (n)	đuôi	8	kind (n)	loại
2	sail (v)	lướt sóng	9	horn (n)	sừng
3	sport center (n)	trung tâm thể thao	10	meeting (n)	buổi gặp mặt
4	town (n)	thị trấn	11	ski (v)	trượt tuyết
5	terrible (adj)	tệ, kinh khủng	12	flour (n)	bột mì
6	butter (n)	bơ	13	pilot (n)	phi công
7	dinosaur (n)	khủng long			

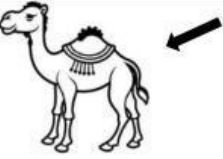
* Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ

B. Homework

I. Complete the words in each sentence (Hoàn thành các từ ở mỗi câu)

0. The **s n a k e** has a long body.
1. The **c _ c _ u _** grows in the desert.
2. A **r _ p _ i _ e** is an animal that lays eggs and has scales.
3. The **c _ m _ l** has a large hump on its back.
4. A **l _ z _ r _** likes to bask in the sun.
5. The **d _ v _ l** often has horns and a tail.

II. Look at the picture. Choose "Yes" or "No" (Nhìn vào bức tranh. Chọn Yes hoặc No)

 0. This cactus has flowers. Yes No	 3. This is a camel. Yes No
 1. This lizard has long tail. Yes No	 4. The devil is nice and friendly. Yes No
 2. This camel has 3 humps. Yes No	 5. There are many kinds of reptiles. Yes No

III. Unscramble the words to form correct sentences

(Sắp xếp lại các từ để tạo thành các câu hoàn chỉnh)

0. was / She / happy / yesterday

→ She was happy yesterday. _____

1. were / We / at / school.

→ _____

2. it / Was / cold / yesterday?

→ _____

3. It / not / was / warm.

→ _____

4. They / friends. / were / my

→ _____

5. The weather / hot. / was / very

→ _____

Các con nghe bài ở link này:
<https://drive.google.com/file/d/1GaZETA10KH5v4xbYmHrKSrqrWLUWVW78->

Part 4

– 5 questions –

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

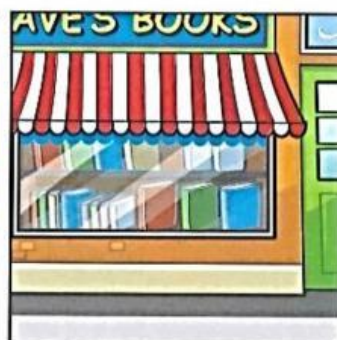
Where will Helen's club meet on Saturday?



A ☐



B ☐



C ☒

1 What does Helen play at the club?



A ☐



B ☐



C ☐

2 What must Helen take to the club this week?



A ☐



B ☐



C ☐

3 Who's going to visit the club next month?



A ☐

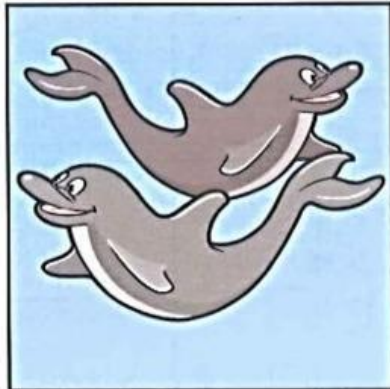


B ☐



C ☐

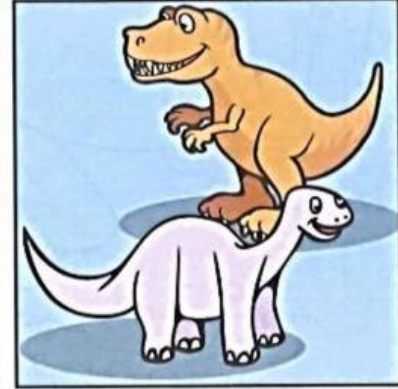
4 Which film was the most interesting?



A ☐



B ☐



C ☐

5 What is the club going to do on holiday next year?



A ☐



B ☐



C ☐